

--- Hết ---
HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	Đáp án	Th.điểm
1	a/ Tìm tọa độ điểm D để ABCD là hình bình hành	3.0
	Gọi D(a ;b) là điểm cần tìm.	
	Ta có : $\overrightarrow{AD} = (a-1; b+2)$	0.5
	$\overrightarrow{BC} = (-6; 4)$	0.5
	ABCD là hình bình hành $\Leftrightarrow \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{BC}$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} a-1 = -6 \\ b+2 = 4 \end{cases}$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} a = -5 \\ b = 2 \end{cases}$	0.5
	Vậy D(-5;2) là điểm cần tìm.	0.5
	b/ Tìm tọa độ của vectơ \vec{x} biết $\vec{x} \cdot \overrightarrow{AB} = 2$ và $\vec{x} \cdot \overrightarrow{AC} = -3$.	3.0
	Gọi $\vec{x} = (a; b)$. Ta có:	
	$\overrightarrow{AB} = (1; -1)$	0.5
	$\overrightarrow{AC} = (-5; 3)$	0.5
	$\vec{x} \cdot \overrightarrow{AB} = 2 \Leftrightarrow a - b = 2$ (1)	0.5
$\vec{x} \cdot \overrightarrow{AC} = -3 \Leftrightarrow -5a + 3b = -3$ (2)	0.5	
Từ (1), (2) có hệ:		
$\begin{cases} a - b = 2 \\ -5a + 3b = -3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = -\frac{3}{2} \\ b = -\frac{7}{2} \end{cases}$	0.5	
Vậy $\vec{x} = \left(-\frac{3}{2}; -\frac{7}{2}\right)$	0.5	
2	Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho hai điểm A(2;1), B(-1;2). Tìm tọa độ điểm E(a; a - 1) biết tam giác ABE cân tại B.	4.0
	Ta có :	1.0
	$BE = \sqrt{(a+1)^2 + (a-3)^2} = \sqrt{2a^2 - 4a + 10}$	
	$BA = \sqrt{3^2 + 1^2} = \sqrt{10}$	0.5
	Theo đề bài: tam giác ABE cân tại B $\Leftrightarrow BE = BA$	0.5
	$\sqrt{2a^2 - 4a + 10} = \sqrt{10}$	0.5
	$\Leftrightarrow 2a^2 - 4a + 10 = 10 \Leftrightarrow 2a^2 - 4a = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} a = 0 \\ a = 2 \end{cases}$	1.0
	Vậy E(0;-1) hoặc E(2;1)	0.5

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)

Câu 1: (Biết).....

Câu 2: (Hiểu).....

Câu 3: (Vận dụng).....

Duyệt của BGH

Duyệt của tổ trưởng

TRƯỜNG QUANG THIÊN

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: NGUYỄN VĂN SUỒN. Chữ ký:

Lớp kiểm tra: 10A5

Thời gian kiểm tra: 14/3/2015

Nhận xét đề của tổ trưởng:

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT ĐS LỚP 10
Lần 4: Từ ngày 9/3/2015 đến ngày 14/3/2015

❖ *Ma trận đề*

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi				Tổng số câu hỏi, tổng số điểm
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp	Cao	
Bất phương trình chứa ẩn ở mẫu; căn; giá trị tuyệt đối.	3 câu 6,0	1 câu 2,0			4 câu 8,0
Tìm điều kiện tham số thỏa nghiệm phương trình, bất pt.			1 câu 2,0		1 câu 2,0
Tỉ lệ %	60	20	20		10,0

❖ *Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô*

Bài 1: (8đ) Giải các bất phương trình sau: $|A| \leq B, \sqrt{A} \leq B, |A| > B; \sqrt{A} > B; \frac{A}{B} > 0; \frac{A}{B} < 0$

(chú ý 4 câu đúng dạng)

Bài 2: (2đ) Tìm giá trị của m để phương trình ;bất phương trình thỏa điều kiện cho trước

Chú ý: GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: (8,0 điểm) Giải các bất phương trình sau:

$$a / (-3x + 2)(x^2 - x - 6) > 0$$

$$b / |2x - 1| \geq x + 3$$

$$c / \sqrt{4x^2 - 17x + 18} < x - 2$$

$$d / \frac{x + 2}{-9 + 6x - x^2} - \frac{1}{x + 1} \leq 0$$

Bài 2: (2,0 điểm) Tìm tham số m để bất phương trình $(2m-1)x^2 + (2m-1)x - 2m - 2 \leq 0$ nghiệm đúng $\forall x \in \mathbb{R}$.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT KHỐI 10

Bài	Đáp án	Thang điểm												
	$a / (2-3x)(x^2-x-6) > 0$	2.0												
	Ta có: $2-3x=0 \Leftrightarrow x=\frac{2}{3}$	0.5												
	$x^2-x-6=0 \Leftrightarrow \begin{cases} x=3 \\ x=-2 \end{cases}$	0.5												
	Bảng xét dấu: <table style="margin-left: auto; margin-right: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="padding: 5px;">-2</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$\frac{2}{3}$</td> <td style="padding: 5px;">3</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">VT</td> <td style="padding: 5px;">+</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">-</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">+</td> </tr> </table>	x	$-\infty$	-2	$\frac{2}{3}$	3	$+\infty$	VT	+	0	-	0	+	0.5
x	$-\infty$	-2	$\frac{2}{3}$	3	$+\infty$									
VT	+	0	-	0	+									
	Vậy tập nghiệm là: $T = (-\infty; -2) \cup \left(\frac{2}{3}; 3\right)$.	0.5												
	$b / 2x-1 \geq x+3$	2.0												
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 2x-1 \leq -x-3 \\ 2x-1 \geq x+3 \end{cases}$	0.5												
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 3x+2 \leq 0 \\ x-4 \geq 0 \end{cases}$	0.5												
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \leq -\frac{2}{3} \\ x \geq 4 \end{cases}$	0.5												
	Vậy tập nghiệm là: $T = \left(-\infty; -\frac{2}{3}\right] \cup [4; +\infty)$	0.5												
	$c / \sqrt{4x^2-17x+18} < x-2$	2.0												
1	$\Leftrightarrow \begin{cases} 4x^2-17x+18 \geq 0 \\ x-2 > 0 \\ 4x^2-17x+18 < (x-2)^2 \end{cases}$	0.5												
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 4x^2-17x+18 \geq 0 \\ x-2 > 0 \\ 3x^2-13x+14 < 0 \end{cases}$	0.5												
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \leq 2 \\ x \geq \frac{9}{4} \\ x > 2 \\ 2 < x < \frac{7}{3} \end{cases}$	0.5												

	$\Leftrightarrow \frac{9}{4} \leq x < \frac{7}{3}$. Vậy tập nghiệm là: $T = \left[\frac{9}{4}; \frac{7}{3} \right)$	0.5										
	$d / \frac{x+2}{-9+6x-x^2} \leq \frac{1}{x+1}$ (1)	2.0										
	(1) $\Leftrightarrow \frac{2x^2-3x+11}{(-x^2+6x-9)(x+1)} \leq 0$	0.25										
	Ta có: $2x^2-3x+11=0$ (vô nghiệm)	0.25										
	$-x^2+6x-9=0 \Leftrightarrow x=3$	0.25										
	$x+1=0 \Leftrightarrow x=-1$	0.25										
	Bảng xét dấu:	0.5										
	<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="padding: 5px;">-1</td> <td style="padding: 5px;">3</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">VT</td> <td style="padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">+</td> <td style="padding: 5px;"> -</td> <td style="padding: 5px;"> -</td> </tr> </table>	x	$-\infty$	-1	3	$+\infty$	VT		+	-	-	
x	$-\infty$	-1	3	$+\infty$								
VT		+	-	-								
	Vậy tập nghiệm là: $T = (-1; 3) \cup (3; +\infty)$	0.5										
2	Tìm tham số m để bất phương trình $(2m-1)x^2 + (2m-1)x - 2m - 2 \leq 0$ nghiệm đúng $\forall x \in \mathbb{R}$.	2.0										
	TH1: $m = \frac{1}{2}$, thay vào bất phương trình trên ta có: $-3 \leq 0$ (đúng $\forall x \in \mathbb{R}$). $\Rightarrow m = \frac{1}{2}$ thỏa yêu cầu bài toán.	0.5										
	TH2: $m \neq \frac{1}{2}$. Bất phương trình đã cho nghiệm đúng $\forall x \in \mathbb{R}$ $\Leftrightarrow \begin{cases} a < 0 \\ \Delta \leq 0 \end{cases}$	0.25										
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 2m-1 < 0 \\ 20m^2 + 4m - 7 \leq 0 \end{cases}$	0.5										
	$\Leftrightarrow \begin{cases} m < \frac{1}{2} \\ -\frac{7}{10} \leq m \leq \frac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow -\frac{7}{10} \leq m < \frac{1}{2}$	0.5										
	Kết hợp 2 trường hợp trên ta có $-\frac{7}{10} \leq m \leq \frac{1}{2}$ là các giá trị của m cần tìm.	0.25										

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)

Câu 1: (Biết).....

Câu 2: (Hiểu).....

Câu 3: (Vận dụng).....

Duyệt của BGH

Duyệt của tổ trưởng

TRƯƠNG QUANG THIÊN

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: NGUYỄN VĂN SUỒL. Chữ ký:

Lớp kiểm tra: 10A5

Thời gian kiểm tra: 25/4/2015

Nhận xét đề của tổ trưởng:

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT HH LỚP 10
Lần 5: Từ ngày 20/4/2015 đến ngày 25/4/2015

❖ *Ma trận đề*

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi				Tổng số câu hỏi, tổng số điểm
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp	Cao	
Phương trình đường thẳng	1 câu 2,5	1 câu 2,5			2 câu 5,0
Phương trình đường tròn	1 câu 2,5	1 câu 2,5			2 câu 5,0
Tỉ lệ %	50	50			10,0

❖ *Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô*

Bài 1: (5đ) Viết phương trình đường thẳng : đi qua hai điểm, qua một điểm có phương song song hoặc vuông góc với một đường thẳng cho trước (2 câu)

Bài 2: (5đ) Viết phương trình đường tròn: có tâm và đi qua một điểm, có đường kính cho trước, có tâm và tiếp xúc với đường thẳng. (2 câu)

Chú ý: GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: (5,0 điểm) Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(1;-2), B(-3;1), C(5;-3) và đường thẳng $\Delta : 2x - 5y + 2014 = 0$.

- Viết phương trình đường thẳng d đi qua hai điểm A và B.
- Viết phương trình đường thẳng d_1 đi qua điểm C và song song với đường thẳng Δ .

Bài 2: (5,0 điểm) Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(-4;3), B(2;-1), C(2;-1) và đường thẳng $\Delta : 6x - 8y + 5 = 0$.

- Viết phương trình đường tròn (C) có đường kính AB.
- Viết phương trình đường tròn (C_1) có tâm C và tiếp xúc với đường thẳng Δ .

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT KHỐI 10

Bài	Đáp án	Thang điểm
1	a) Viết phương trình đường thẳng d đi qua hai điểm A và B.	2.5
	Ta có :	0.5
	+ A(1 ; -2) thuộc d	
	+ VTCP: $\vec{u} = \overrightarrow{AB} = (-4; 3)$ (do d đi qua A và B)	0.5
	=> VTPT : $\vec{n} = (3; 4)$	0.5
	Vậy ptđt d: $3(x-1) + 4(y+2) = 0$	0.5
	$\Leftrightarrow 3x + 4y + 5 = 0$	0.5
	b) Viết phương trình đường thẳng d_1 đi qua điểm C và song song với đường thẳng Δ.	2.5
+ Do d_1 song song với Δ nên phương trình d_1 có dạng: $2x - 5y + c = 0$ ($c \neq 2014$)	1.0	
+ Do C(5 ; -3) thuộc d_1 nên : $c = -25$ (nhận)	1.0	
+ Vậy ptđt d_1 : $2x - 5y - 25 = 0$.	0.5	
2	Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(-4;3), B(2;-1), C(2;-1) và đường thẳng $\Delta : 6x - 8y + 5 = 0$.	2.5
	a/ Viết phương trình đường tròn (C) có đường kính AB.	
	Gọi I là trung điểm của AB $\Rightarrow I(-1; 1)$ là tâm của (C)	1.0
	Do (C) có đường kính AB nên có bán kính là: $R = IA = \sqrt{13}$	1.0
	Vậy phương trình đường tròn (C) là: $(x+1)^2 + (y-1)^2 = 13$	0.5
	b/ Viết phương trình đường tròn (C_1) có tâm C và tiếp xúc với đường thẳng Δ	2.5
	Đường tròn (C_1) có: Tâm C(2;-1)	1.0
	Do (C_1) tiếp xúc với $\Delta : 6x - 8y + 5 = 0$ nên có bán kính là: $R = d(C, \Delta) = \frac{ 6 \cdot 2 - 8(-1) + 5 }{\sqrt{6^2 + (-8)^2}} = \frac{5}{2}$	1.0
Vậy phương trình đường tròn (C_1) là: $(x-2)^2 + (y+1)^2 = \frac{25}{4}$	0.5	